

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KIẾN TRÚC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc

1. Sửa đổi, thay thế Điều 5 như sau:

“Điều 5. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc

1. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc là các đặc trưng về tổ chức không gian, hình thức kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và cảnh quan phản ánh giá trị văn hóa, lịch sử, tập quán sinh hoạt và điều kiện tự nhiên của cộng đồng dân cư, được hình thành trong một khu vực xác định.

2. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc được xác định, nhận diện thông qua các yếu tố sau:

a) Khu vực, tuyến phố, điểm dân cư, công trình có giá trị kiến trúc cần bảo tồn, kế thừa;

b) Các đặc trưng chủ yếu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc và hình thức kiến trúc tổng thể và tại từng khu vực;

c) Yêu cầu về kế thừa, phát huy giá trị kiến trúc truyền thống phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, theo thẩm quyền, có trách nhiệm xác định và cụ thể hóa nội dung bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc của địa phương khi tổ chức lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Kết hợp, kế thừa bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc và phát triển phong cách, hình thức kiến trúc hiện đại, tiên tiến, hài hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên; tạo lập các giá trị đặc trưng của khu vực xây dựng công trình kiến trúc.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 2 như sau:

“a) Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại; ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến; ***hài hòa với không gian, kiến trúc cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; phù hợp với cảnh quan thiên nhiên; tạo lập các giá trị đặc trưng của nông thôn;***

c) Đối với ***khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của rủi ro thiên tai***, khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn và bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, thay thế các khoản 1, 2, 3 và 4 như sau:

“1. ***Thiết kế kiến trúc thuộc hoạt động thiết kế xây dựng, giữ vai trò xác định giải pháp không gian, hình thức kiến trúc, phù hợp với quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và đặc trưng thẩm mỹ.*** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ ***thiết kế xây dựng, xác định yêu cầu về kiến trúc và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan.***

2. Thiết kế kiến trúc phải do ***tổ chức có đủ điều kiện, cá nhân có tiêu chuẩn năng lực hành nghề kiến trúc phù hợp thực hiện*** theo quy định của Luật này.

3. Thiết kế kiến trúc phải xem xét toàn diện các yêu cầu về kinh tế - xã hội, công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; ***khuyến khích*** bình đẳng giới.

4. Hồ sơ thiết kế kiến trúc ***là một thành phần trong hồ sơ thiết kế xây dựng và làm cơ sở thực hiện các bước thiết kế theo pháp luật về xây dựng.***”.

b) Bổ sung một khoản 4a vào trước khoản 5 như sau:

“4a. ***Khi thiết kế kiến trúc, lập hồ sơ thiết kế kiến trúc phải thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu quản lý; áp dụng mô hình thông tin công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng để thể hiện giải pháp kỹ thuật về kiến trúc trong hồ sơ thiết kế.***”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Công trình kiến trúc có giá trị đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, ***công trình thuộc danh mục kiểm kê di tích*** được quản lý theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. ***Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho đô thị và nông thôn như sau:***

a) ***Quy chế quản lý kiến trúc đô thị được lập cho thành phố, đô thị, đô thị mới và đặc khu là đô thị; đối với khu vực khác theo yêu cầu quản lý trong đô thị, việc lập quy chế quản lý kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;***

b) Quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được lập cho xã và đặc khu, trừ trường hợp xã, đặc khu được định hướng là đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lập riêng quy chế quản lý kiến trúc nông thôn hoặc tích hợp trong nội dung quy hoạch chung xã.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phù hợp với **quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn** đã được phê duyệt và tiêu chuẩn **áp dụng**, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Xác định **các tiêu chí**, yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc của địa phương **trên cơ sở** quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này;”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý; trường hợp quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được tích hợp trong nội dung quy hoạch chung xã thì cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung xã có trách nhiệm phê duyệt, ban hành cùng quy hoạch chung xã.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **cấp xã** xem xét, tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc đột xuất để xem xét điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc. Nội dung rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc được thực hiện theo quy định của Chính phủ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Có sự điều chỉnh về **quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc có sự điều chỉnh về** địa giới đơn vị hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, chức năng, quy mô khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý; trường hợp quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được tích hợp trong nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xã thì cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xã có trách nhiệm phê duyệt, ban hành cùng điều chỉnh quy hoạch chung xã.”.

d) Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 như sau:

“5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung điều chỉnh khi cần thiết theo đề xuất của cơ quan lập quy chế quản lý kiến trúc và trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.”.

7. Sửa đổi, thay thế Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc

1. **Thi tuyển kiến trúc** là việc tổ chức cuộc thi để chọn phương án kiến trúc hoặc ý tưởng kiến trúc tối ưu, đáp ứng yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

2. **Tuyển chọn kiến trúc** là việc lựa chọn phương án kiến trúc tối ưu từ các phương án do tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc đề xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

3. **Trừ công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt không bắt buộc phải thi tuyển kiến trúc**, công trình phải **thi tuyển kiến trúc** bao gồm:

a) Công trình công cộng cấp đặc biệt; **nhà ga hàng không (nhà ga chính) quy mô cấp đặc biệt, cấp I;**

b) Công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương và các công trình công cộng cấp I, công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị, trên các tuyến đường chính được xác định trong **quy hoạch theo pháp luật về** quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy chế quản lý kiến trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) **Các công trình kiến trúc khác do cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định tổ chức thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc bảo đảm yêu cầu quản lý phát triển.**

4. Việc quyết định **thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc** được xác định trong đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

5. **Đối với công trình không sử dụng vốn đầu tư công, người quyết định đầu tư có thể quyết định tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn kiến trúc làm cơ sở đề xuất chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi.**

6. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định **việc thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc và công tác tổ chức thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc.**

7. Chi phí **thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc** được xác định khi tổ chức thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc và được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

8. **Thông qua hình thức thi tuyển hoặc tuyển chọn kiến trúc theo quy định, tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc hoặc ý tưởng kiến trúc trúng tuyển** được thực hiện các bước tiếp theo của dự án khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

9. Thông tin về **thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc**; hội đồng **thi tuyển, tuyển chọn** kiến trúc và **kết quả thi tuyển, tuyển chọn** phải được chủ đầu tư công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

10. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

8. Sửa đổi, thay thế Điều 19 như sau:

“Điều 19. Hành nghề kiến trúc

1. Hành nghề kiến trúc là hoạt động nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân về kiến trúc. Hoạt động hành nghề kiến trúc được thực hiện trong quá trình thiết kế xây dựng và lập quy hoạch đô thị và nông thôn, bao gồm:

a) Thiết kế kiến trúc công trình;

b) Thiết kế kiến trúc trong quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;

c) Thiết kế kiến trúc cảnh quan;

d) Thiết kế nội thất;

đ) Chỉ dẫn kỹ thuật về kiến trúc;

e) Đánh giá kiến trúc công trình;

g) Thẩm tra thiết kế kiến trúc.

2. Hoạt động hành nghề kiến trúc được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn năng lực hành nghề kiến trúc và thông tin về các tiêu chuẩn này được xác thực, công khai và cập nhật trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.”.

9. Sửa đổi, thay thế Điều 21 như sau:

“Điều 21. Năng lực hành nghề kiến trúc

1. Năng lực hành nghề kiến trúc của cá nhân được xác định phù hợp với phạm vi và trách nhiệm hành nghề, là căn cứ để quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động hành nghề kiến trúc.

2. Cá nhân hành nghề kiến trúc phải bảo đảm tiêu chuẩn tối thiểu là được đào tạo về chuyên ngành kiến trúc và xây dựng tại các cơ sở đào tạo thành lập theo pháp luật về giáo dục đào tạo, phù hợp với công việc đảm nhận.

3. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì thiết kế kiến trúc, chủ nhiệm thiết kế xây dựng đối với các hoạt động hành nghề kiến trúc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 19 của Luật này phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc do cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này cấp, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có trình độ đào tạo từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc;

b) Có kinh nghiệm tham gia hành nghề kiến trúc tối thiểu 03 năm sau khi tốt nghiệp đại học thuộc lĩnh vực kiến trúc;

c) Đáp ứng yêu cầu về phát triển nghề nghiệp liên tục.

4. Kiến trúc sư hành nghề đã được cấp chứng chỉ thừa nhận về hành nghề kiến trúc theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết hoặc điều ước quốc tế mà Việt

Nam là thành viên được đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế kiến trúc khi tham gia hành nghề kiến trúc.

5. Cá nhân hành nghề kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc đảm nhận chức danh chủ trì thiết kế kiến trúc cảnh quan, thiết kế nội thất, chỉ dẫn kỹ thuật về kiến trúc, đánh giá kiến trúc công trình, thẩm tra thiết kế kiến trúc không phải thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, nhưng phải có tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này được đăng tải trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật này.

6. Tiêu chuẩn năng lực hành nghề kiến trúc đã đăng tải trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được bảo đảm tính pháp lý để quản lý hành nghề kiến trúc và là căn cứ, cơ sở khi thực hiện các công việc liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

10. Sửa đổi, thay thế Điều 24 như sau:

“Điều 24. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc

1. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc được tích hợp trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo pháp luật về xây dựng, bao gồm:

- a) Thông tin về năng lực hành nghề kiến trúc của cá nhân;*
- b) Thông tin về tổ chức hành nghề kiến trúc.*

2. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc được thu thập trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc, thẩm định thiết kế xây dựng và được cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh đăng tải, cập nhật theo đề nghị của cá nhân hành nghề, bảo đảm quy định của Chính phủ về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.”.

11. Sửa đổi, thay thế Điều 25 như sau:

“Điều 25. Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân

1. Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân là kiến trúc sư đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại một trong các khoản 3, 4 Điều 21 của Luật này hoặc kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề, không thuộc tổ chức hành nghề kiến trúc.

2. Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân được trực tiếp hành nghề kiến trúc theo hợp đồng đã giao kết với tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; được phép thành lập văn phòng kiến trúc để hoạt động theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và phù hợp với quy định của Luật này.”.

12. Sửa đổi, thay thế Điều 27 như sau:

“Điều 27. Thẩm quyền cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; thời hạn của chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1. Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

2. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thời hạn 10 năm và có giá trị sử dụng trong phạm vi cả nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

13. Sửa đổi, thay thế Điều 31 như sau:

“Điều 31. Hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Người nước ngoài **đảm nhận chức danh theo quy định tại khoản 3 Điều 21 của Luật này** được hành nghề kiến trúc tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc tại Việt Nam **hoặc chứng chỉ được quy định theo khoản 4 Điều 21 của Luật này** hoặc có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp và được **cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thực hiện chuyển đổi;**

b) Tuân thủ pháp luật Việt Nam và Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề của Việt Nam.

2. Việc chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc **đối với người nước ngoài** được quy định như sau:

a) Người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, tham gia hành nghề kiến trúc ở Việt Nam thực hiện **thủ tục chuyển đổi** chứng chỉ hành nghề kiến trúc tại cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) **Việc chuyển đổi** chứng chỉ hành nghề kiến trúc giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ được thực hiện theo quy định của thỏa thuận quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Chính phủ quy định chi tiết cách xác định thời gian tham gia **hành nghề kiến trúc tại** Việt Nam; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc ở Việt Nam.”.

14. Sửa đổi, thay thế Điều 32 như sau:

“Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề

1. **Kiến trúc sư hành nghề** có quyền sau đây:

a) **Thực hiện các hoạt động hành nghề kiến trúc;**

b) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

c) **Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công việc thiết kế kiến trúc được giao;**

d) **Yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đúng thiết kế kiến trúc được duyệt;**

- đ) Từ chối thực hiện yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư;
 - e) Từ chối nghiệm thu công trình, hạng mục công trình không đúng thiết kế kiến trúc được duyệt, không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
 - g) Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đúng hợp đồng.
2. **Kiến trúc sư hành nghề** có nghĩa vụ sau đây:
- a) Tuân thủ Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề;
 - b) Phát triển nghề nghiệp liên tục;
 - c) Giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình;
 - d) Thực hiện đúng cam kết với chủ đầu tư theo hợp đồng.”.

15. Bãi bỏ các khoản, điều và cụm từ sau:

- a) Bãi bỏ khoản 6 Điều 3;
- b) Bãi bỏ cụm từ “sát hạch” tại khoản 8 Điều 9;
- c) Bãi bỏ Điều 26;
- d) Bãi bỏ Điều 28;
- đ) Bãi bỏ Điều 29;
- e) Bãi bỏ cụm từ “, gia hạn” tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 36;
- g) Bãi bỏ cụm từ “quy định tại Điều 28 của Luật này” tại điểm a khoản 1 Điều 30;
- h) Bãi bỏ cụm từ “khi bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này” tại khoản 3 Điều 30;
- i) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 2 Điều 38;
- k) Bãi bỏ Điều 39.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế quản lý kiến trúc, Danh mục công trình kiến trúc có giá trị đã được cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục là căn cứ, cơ sở để quản lý kiến trúc cho đến khi thực hiện điều chỉnh theo quy định của Luật này.

2. Quy chế quản lý kiến trúc, Danh mục công trình kiến trúc có giá trị đang trình phê duyệt để ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện việc trình, phê duyệt và ban hành theo quy định tại Luật này.

3. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp cho cá nhân theo quy định tại Luật số 40/2019/QH14 có giá trị đến khi hết thời hạn sử dụng trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định của Luật này; trường hợp bị mất hoặc hư hỏng thì thực hiện quy trình cấp lại theo quy định của Luật này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một khoản của Điều 40 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 40 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 như sau: “4. Thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày, thời gian thẩm định quy hoạch không quá **20 ngày** kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ.”.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI